

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 10 - 6 - 2024
“V/v: Tranh chấp
Chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương
Các thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng và bà Điều Thị Bích Lược
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 33/2024/DSPT ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp Chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- Người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
- 2. Bị đơn:** Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967
Địa chỉ: Khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
 - 3.1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988
Địa chỉ: Khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
 - 3.2. Anh Nguyễn Quyết H1, sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền của chị H và anh H1: Bà Nguyễn Thị T2, theo văn bản uỷ quyền nộp ngày 10/6/2024).
 - 3.3. Chị Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1990
Địa chỉ: Khu B, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân (TAND) huyện L nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L khởi kiện bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Văn T trình bày:

Chị là con gái ông Nguyễn Văn T. Năm 2020 TAND huyện Lâm Thao đã ra quyết định số 01/2020/QĐ-ST ngày 06/10/2020 tuyên bố chị là ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1960; trú tại: Khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, đã chỉ định chị là người giám hộ cho ông T3. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết chia tài sản chung của bố chị (ông T3) với bị đơn bà Trần Thị T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của TAND huyện Lâm Thao thì các con của cụ B trình bày: Thừa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 484 m², trong đó có 200 m² đất ở và 284 m² đất vườn tại khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất, công trình phụ, thửa đất trên được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T4. Nguồn gốc đất là của cụ B. Tại thời điểm kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T4 là đại diện hộ gia đình đứng ra kê khai nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 07 người trong hộ gia đình gồm: Cụ Trần Thị B1 (mẹ ông T4), ông Nguyễn Văn T là anh trai ông Nguyễn Văn T4, bà Trần Thị T1 (vợ ông T4) cùng 03 người con đẻ của ông T4 và bà T1 là cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Quyết H1, đều có hộ khẩu chung ở khu G, xã T, huyện L cùng sinh sống ở trên thửa đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải cấp riêng cho ông T4.

TAND huyện Lâm Thao đã giải quyết trong vụ án chia thừa kế, chia theo hộ gia đình cho 7 người gồm: Cụ B1, ông T, ông T4, bà T1 và 03 người con đẻ của ông T4 là cháu H, cháu H2, cháu H1 mỗi người được quyền sử dụng 469 : 7 = 67 m² (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn). Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất là 484 m², nhưng khi chia đo vẽ thực tế hiện tại sử dụng là 469 m²). Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao chỉ chia thừa kế phần đất của cụ B1 và một phần đất của ông T4 là 80,4 m² (trong đó có 34,28 m² đất ở và 46,12 m² đất vườn). Phần đất còn lại là 388,6 m² chưa chia tài sản chung. Hiện nay phần đất của ông T (bố chị) chưa được chia tách vẫn chung trong thửa đất đứng tên ông T4 (chồng bà T1). Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là phần quyền sử dụng đất trả cho ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T1 có lời khai trình bày: Gia đình bà có thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, tại khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T4 là chủ hộ. Năm 2021 bà Nguyễn Thị O đề nghị chia thừa kế phần đất của cụ B1, là một thành viên trong hộ gia đình ông T4. Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết thì toàn bộ thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 có

diện tích theo hiện trạng sử dụng là 469 m² được chia đều cho 7 người trong hộ, mỗi người được 67 m² (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn). Nay chị L khởi kiện đề nghị chia tài sản chung của gia đình bà cho ông T bà không nhất trí, nếu phải chia theo quy định của pháp luật thì phần diện tích đất còn lại của mẹ con bà và ông T4, bà đề nghị không chia để mẹ con bà đứng đồng sở hữu chung. Còn tài sản trên đất là của vợ chồng bà làm nên không liên quan gì đến các con bà.

Bà cho rằng, thửa đất đó là tài sản riêng của vợ chồng bà, ông T không được chung tài sản này, căn cứ bà đưa ra là năm 2012, vợ chồng bà còn đứng ra hiến đất cho chính quyền địa phương và bán một phần đất, vợ chồng bà đều tự mình quyết định, không liên quan gì đến ông T, nên bà không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm chia đất cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Quyết H1, có lời khai trình bày:
Gia đình các anh chị có thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, tại khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T4 (bố đẻ) là chủ hộ. Năm 2021 bà Nguyễn Thị O đề nghị chia thừa kế phần đất của cụ B1, là một thành viên trong hộ gia đình ông T4. Theo bản án số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết thì toàn bộ thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 có diện tích theo hiện trạng sử dụng là 469 m² được chia cho 7 người trong hộ, mỗi người được 67 m² (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn) bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Nay chị L khởi kiện chia tài sản chung của hộ gia đình cho ông T các anh chị đều không nhất trí, nếu phải chia theo quy định của pháp luật thì phần của ông T4, bà T1 và phần của các anh chị đề nghị không chia để đứng đồng sở hữu chung. Tài sản trên đất là của ông T4, bà T1 không liên quan gì đến chị H, anh H1 và chị H2.

Bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ quyết định:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, 69 và Điều 92; 147; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 102; 212; 218; 219 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng điểm e, khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1/ Chia tài sản chung là diện tích đất 388,6 m² (trong đó đất ở 165,69 m²; đất vườn 222,91 m²) tại thửa đất số 512, tờ bản đồ 11 tại: Khu G, xã T, huyện L đứng tên ông Nguyễn Văn T4 cho: Ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ.

Chia cho ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 67 m² (trong đó có 28,57m² đất ở và 38,43m² đất vườn) theo hình 1, 2, 16, 14, 15,1 có các cạnh: Cạnh 1, 2 = 4 m; cạnh 2, 16 = 17.05 m; cạnh 16, 14 = 4.02 m; cạnh 14, 15 = 3.71m; cạnh 15, 1 = 13.64 m tại: Khu G, xã T, huyện L (*Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ hiện trạng đo vẽ kèm theo*).

Ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở đảm bảo hạn mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xác nhận diện tích đất còn lại là 321,6 m² (trong đó đất ở là 137,12 m²; đất vườn là 184,48 m²) có (*Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ hiện trạng đo vẽ kèm theo*) là tài sản chung của bà T1, chị H, anh H1 và chị H2 không đề nghị chia mà thống nhất để lại làm sở hữu chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Buộc ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ phải thanh toán cho bà Trần Thị T1 giá trị phần tương rào là tài sản riêng của bà T1 số tiền 388.000 đ (Ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2024, bị đơn bà Trần Thị T1 có đơn kháng, đề nghị xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ vì cho rằng, anh Nguyễn Văn T không có quyền sử dụng tài sản này, nên không đồng ý chia cho anh T như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa, bà T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của mình và cung cấp chứng cứ gồm: Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; quyết định thu hồi một phần thửa đất (do vợ chồng bà hiến một phần thửa đất) và sổ hộ khẩu gia đình năm 2005 để chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất là của riêng của vợ chồng bà.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử: Bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị T1.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về hình thức đơn kháng cáo của bà T1 thực hiện trong hạn luật định, đơn hợp lệ cần chấp nhận.

[2] *Xét về nội dung kháng cáo của bà T1 cho rằng phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của bà và ông Nguyễn Văn T4 thấy rằng:*

2.1. Thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 615 m² đất vườn), tại khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/7/1997; địa chỉ: Khu G, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ đứng tên ông Nguyễn Văn T4 có nguồn gốc đất là của cụ B1 sử dụng trước đó. Tại thời điểm kê khai, ông T4 là đại diện hộ gia đình đứng ra kê khai sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T4. Quá trình sử dụng đất, năm 2012, UBND huyện L đã thu hồi một phần đất khi mở rộng đường và vợ chồng ông T4, bà T1 chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông K, nên phần diện tích đất còn lại là 484 m² (trong đó có 200 m² đất ở và 284 m² đất vườn), khi xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất thực tế là 469 m².

Năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ giải quyết vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế đối với thửa đất này. Tại Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã giải quyết và xác định hộ gia đình ông T4 có 07 người được cấp thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 gồm có: Cụ B1, ông T, ông T4 (là con đẻ cụ B1) bà T1 (là vợ ông T4) và 03 người con đẻ của ông T4 bà T5 là cháu H, cháu H2, cháu H1 mỗi người được quyền sử dụng 469m²: 7 người = 67 m²/người (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn).

Sau khi xét xử, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2 là anh Nguyễn Ngọc L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; tại bản án dân sự phúc thẩm số 06/2022/DSPT ngày 02/3/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Sau xét xử phúc thẩm, Bà Trần Thị T1 không có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Như vậy, bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có hiệu lực pháp luật là chứng cứ không phải chứng minh. Bản án đã xác định ông Nguyễn Văn T là người được hưởng 1/7 diện tích đất còn lại của thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 diện tích 484

m² (trong đó có 200 m² đất ở và 284 m² đất vườn); diện tích đo thực tế là 469 m², chia đều cho 07 người tương ứng mỗi người được nhận 67 m², (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn).

2.2. Căn cứ kết quả xác minh, UBND huyện L và UBND xã T đã xác định được: Thửa đất số Thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 04/7/1997, diện tích 915 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 615 m² đất vườn), được cấp cho hộ gia đình trong đó có ông Nguyễn Văn T và hộ xác định hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 07 người là: Cụ Lê Thị B2, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T1 và ba người con của bà T1 là chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Quyết H1 và Nguyễn Thị Bích H2.

2.3. Tại cấp phúc thẩm, bà T1 cung cấp chứng cứ là 01 hồ sơ chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất; quyết định thu hồi một phần thửa đất do vợ chồng bà hiến một phần đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 và sổ hộ khẩu gia đình lập năm 2005 để chứng minh thửa đất này là tài sản riêng của vợ chồng bà thấy rằng: Trong quá trình sử dụng đất; năm 2012, vợ chồng bà tự định đoạt hiến một phần đất cho UBND huyện L để làm đường giao thông, diện tích 122 m² đất vườn và UBND huyện L đã ban hành quyết định 2726/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012, thu hồi phần diện tích đất này và vợ chồng bà còn chuyển nhượng cho ông Trần Công K1 diện tích 309 m² (trong đó 100 m² đất ở và 209 m² đất vườn) tại thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 để chứng minh thửa đất là tài sản riêng của vợ chồng bà là không có căn cứ bởi lẽ: Thửa đất đã cấp cho hộ gia đình, đã xác định được cấp cho 07 người, nhưng vợ chồng bà T1, ông T4 tự định đoạt, hiến một phần đất và chuyển nhượng một phần đất là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình, trong khi văn bản không thể hiện hết ý chí của các thành viên còn lại là chưa chặt chẽ, nhưng các thành viên trong gia đình không có khiếu nại, tranh chấp gì về việc tự định đoạt của vợ chồng bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Trần Thị T1 còn cung cấp 01 bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình bà để chứng minh ông Nguyễn Văn T không có tên trong sổ hộ khẩu để chứng minh ông T không có quyền đối với thửa đất này. Tuy nhiên, sổ hộ khẩu bà T1 cung cấp được lập ngày 16/3/2005, có sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 nên không có giá trị chứng minh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Từ những căn cứ nêu tại điểm 2.1; 2.2 và 2.3. mục [2] nêu trên, có đủ căn cứ để kết luận: Thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích thực tế sử dụng còn lại sau khi chia phần di sản của cụ Lê Thị B2, diện tích 80,4m², phần diện tích còn lại 388,6m², (trong đó đất ở 165,69 m²; đất vườn 222,91 m²) Trong đó, phần di sản ông Nguyễn Văn T được nhận là 67 m² (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn). Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia phần còn lại thửa đất và giao cho ông Nguyễn Văn T diện tích 67m² đất trị giá = 162.570.000 đồng là có

căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T1 cần giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

2.4. Đối với phần diện tích đất ông T được chia là 67m², (trong đó có 28,57m² đất ở và 38,43m² đất vườn), không đủ diện tích đất ở tối thiểu để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ công văn số 3790/UBND-NNTN ngày 29/9/2023 quy định “*Việc tách thửa đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thực hiện theo quy định của luật đất đai hiện theo quy định tại quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 (được sửa đổi bổ sung tại quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023) của UBND tỉnh P. Cụ thể đối với trường hợp thửa đất là đất ở và đất nông nghiệp (đất vườn) liền kề đất ở mà không đủ điều kiện để tách thửa do phần đất ở nhỏ hơn 50m² thì người sử dụng đất thực hiện thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất vườn liền kề đất ở sang đất ở để có diện tích, kích thước thửa đất đảm bảo điều kiện tách thửa đất theo quy định tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh P*” và căn cứ thông tin xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện L cung cấp thì mặc dù diện tích đất ở dưới 50m² nhưng được chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đủ 50 m² thì vẫn đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chia tài sản chung bằng hiện vật và phần đất tương ứng với diện tích ông T được quyền sử dụng, để ông T được nhận là phù hợp cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản trên đất:*

Đối với phần diện tích đất ông T được chia có 01 đoạn tường rào dài = 4mét và 01 đoạn tường rào dài = 13,64 mét đã được định giá là 388.000 đồng; 01 chuồng lợn diện tích 10,2 m² do vợ chồng bà T1 xây, xác định không còn giá trị sử dụng, các bên không định giá. Nên buộc ông T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ phải thanh toán cho bà T1 giá trị của hai đoạn tường rào là 388.000 đồng là đúng pháp luật nên cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T1, cần giữ nguyên phần quyết định này của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà T1 không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan điểm việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T1.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, 69 và Điều 92; 147; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102; 212; 218; 219 của Bộ luật dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm e, khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Chia tài sản chung là phần diện tích đất 388,6 m² (trong đó đất ở 165,69 m²; đất vườn 222,91 m²) còn lại tại thửa đất số 512, tờ bản đồ 11 tại: Khu G, xã T, huyện L đứng tên chủ hộ ông Nguyễn Văn T4 cho ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ.

Cụ thể chia như sau: Chia cho ông Nguyễn Văn T (do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ) được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất theo phần là 67 m² (trong đó có 28,57 m² đất ở và 38,43 m² đất vườn) theo hình 1, 2, 16, 14, 15,1 có các cạnh dài như sau: Cạnh 1 - 2 = 4 mét; cạnh 2 - 16 = 17.05 mét; cạnh 16 - 14 = 4.02 mét; cạnh 14 - 15 = 3.71 mét; cạnh 15 - 1 = 13.64 mét; tại: Khu G, xã T, huyện L (*Vị trí, kích thước, mốc giới, số đo cạnh, có sơ đồ hiện trạng đo vẽ kèm theo*).

Ông Nguyễn Văn T (do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ) có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở đảm bảo hạn mức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xác nhận diện tích đất còn lại là 321,6 m² (trong đó đất ở là 137,12 m²; đất vườn là 184,48 m²) (có vị trí, kích thước, mốc giới, số đo cạnh có sơ đồ hiện trạng đo vẽ kèm theo), là tài sản chung của bà Trần Thị T1, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quyết H1 và chị Nguyễn Thị H2, không đề nghị chia mà thống nhất để lại làm sở hữu chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T (do chị Nguyễn Thị L là người giám hộ) phải thanh toán cho bà Trần Thị T1 giá trị phần tài sản là tường rào của bà Trần Thị T1 xây dựng trên đất giao cho ông Nguyễn Văn T, số tiền 388.000đ (Ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 của bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà T1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001651 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng